TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Kim T, sinh năm 1996; Địa chỉ: số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Trường G, sinh năm 1990; địa chỉ: số B, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 tại phiên toà nguyên đơn Trương Thị Kim T trình bày:

Chị T và anh G đăng ký kết hôn ngày 17/3/2014 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25. Sau kết hôn, chị T và anh G sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng thật sự xa nhau từ

tháng 2019 đến nay, mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Dương Trường G. Quá trình chung sống chị T và anh G có 02 con chung tên Dương Thiên Â, sinh ngày 19/4/2014 và Dương Đức Â1, sinh ngày 21/02/2019, hiện hai con do chị T nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở cho mỗi người con chung, cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Tại phiên toà chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong tờ trình bày ý kiến ngày 27/5/2024 bị đơn Dương Trường G trình bày:

Anh G thống nhất nhất theo đơn ly hôn của chị T và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Anh G thống nhất anh G và chị T có 02 con chung đúng như chị T trình bày và hiện 02 con đang sống với chị T. Anh G đồng ý giao cháu Thiên Â và cháu Đức Â1 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Trường G, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Dương Trường G có hộ khẩu và cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Dương Trường G có tờ trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị T và xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Dương Trường G.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Kim T và anh Dương Trường G tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 3 năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, đã tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9

của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, lẽ ra chị T và anh G phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, chị T và anh G đã không làm được điều đó, chỉ vì chị T và anh G bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng sống xa nhau từ năm 2019 đến nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm cho ai. Hành động và việc làm của chị T và anh G đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, dẫn đến chị T không còn chung sống với anh G từ năm 2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh G, anh G cung có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận và quyết định cho ly hôn giữa chị Trương Thị Kim T với anh Dương Trường G.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh G có 02 con chung tên Trương Dương Thiên Â2, sinh ngày 19/4/2014 và Dương Đức Â1, sinh ngày 21/02/2019, hiện hai con do chị T nuôi dưỡng.

Xét thấy khi chị T và anh G xa nhau từ năm 2019 đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chăm sóc con chung chu đáo, cháu Thiên Â2 và cháu Đức Â1 phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần và đã thắt chặt tình cảm mẹ con, đồng thời cháu Thiên Â2 có văn bản muốn được sống với mẹ và anh G cũng có văn bản ý kiến đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng , chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và giao hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Kim T được ly hôn với anh Dương Trường G.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Thiên Â2, sinh ngày 19/4/2014 và Dương Đức Â1, sinh ngày 21/02/2019 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, anh G được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Anh G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con..

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 0007289 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối anh Dương Trường G vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã M, huyện L, (CNKH 25/2014) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Nhựt Minh